

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HSST
Ngày 26/6/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quy và ông Lê Văn Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Toà án Nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/HSST - QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy N sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1955 (đã chết) và con bà Lương Thị T, sinh năm 1957.

Có vợ là chị Phan Thị V, sinh năm 1978; Có hai con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị bắt tạm giữ ngày 28/12/2017, tạm giam ngày 31/12/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(có mặt tại phiên tòa).*

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã K, huyện Kh, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1960 (đã chết) và con bà Phan Thị D, sinh năm 1965.

Có chồng là chị Trần Văn T, sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam ngày 03/4/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

** Những người làm chứng:*

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981.

Trú tại: thôn H, xã L, huyện V L, tỉnh H (vắng mặt).

- Anh Tạ Văn Ch, sinh năm 1973.

Trú tại: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 27/12/2017, Tạ Văn Ch gọi điện cho Nguyễn Duy N hỏi mua ma túy, N đồng ý và bảo Ch tới nhà N. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn T đến nhà Tạ Văn Ch chơi. Ch nói với T, Ch định xuống nhà N ở xã T, huyện K mua ma túy vì đã điện thoại hẹn rồi; T bảo Ch cho đi cùng, rồi Ch chở T tới nhà N. Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đến nhà N, thì N từ trong nhà đi ra gặp Ch và T, Ch đưa cho N 500.000 đồng để mua một gói ma túy đá, T cũng đưa cho N 300.000 đồng để mua một gói ma túy đá. N nhận số tiền 800.000 đồng của hai người rồi đi đến chỗ Nguyễn Thị M đang đứng ở bậc hè đưa tiền cho M và bảo lên lấy hai gói ma túy (một gói có nẹp miệng màu xanh và một gói có nẹp miệng màu đỏ), để trong hộp đựng kính mắt ở trên phòng ngủ tầng hai. M cầm tiền rồi đi lên tầng hai lấy hai gói ma túy đá, một gói có viền miệng màu đỏ và một gói có viền miệng màu xanh trong tổng số khoảng năm gói ma túy để trong hộp đựng kính vỏ có màu ghi xám kẻ ô, xuống tầng một đưa cho N. N cầm hai gói ma túy ra đưa cho Ch, Ch đưa lại cho T 01 gói, sau đó chở T đến điểm canh đê thuộc xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang để sử dụng ma túy thì bị tổ công tác của phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Hưng Yên bắt quả tang đưa về trụ sở UBND xã Thắng Lợi làm việc; Kiểm tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ tại túi áo khoác bên phải của T đang mặc có 01 ống cóong thủy tinh có đầu hình tròn, trong ống cóong có hạt vụn dạng tinh thể kết tinh màu trắng và 01 gói nilon có viền kẹp nhựa màu xanh bên trong có hạt vụn dạng tinh thể kết tinh màu trắng. (Được niêm phong trong phong bì ghi số I).

- Thu giữ tại túi áo khoác bên phải của Ch đang mặc có 01 gói nilon có viền kẹp nhựa màu đỏ bên trong có hạt vụn dạng tinh thể kết tinh màu trắng. (Được niêm phong ghi số II).

Ngày 28/12/2017, Cơ quan CSĐT (PC47) - Công an tỉnh Hưng Yên đã thi hành Lệnh bắt và khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Duy N, ở thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh H, đã thu giữ các vật chứng sau:

- Thu giữ tại nền nhà phòng ngủ tầng một nhà Nguyễn Duy N có: 01 túi nilon kích thước 1,9x1,9 cm có kẹp nhựa ở miệng gói màu xanh bên trong có chứa tinh thể màu trắng. (Được niêm phong ghi số III).

- Thu giữ tại kệ ti vi trong phòng ngủ tầng 2 có: 03 túi nilon bên trong ba túi nilon này đều có hạt vụn dạng tinh thể kết tinh màu trắng. (Được niêm phong ghi số

IV).

- Thu giữ tại ngăn kéo kệ ti vi ở phòng khách có 01 túi nilon có kích thước 8,5x5,5 cm bên trong có 03 túi nilon có kích thước như nhau là 2x2,5 cm.

- Thu giữ trên đệm trong phòng ngủ tầng 2 có: 02 điện thoại di động đã cũ, trong đó có 01 điện thoại nhãn hiệu HTC màu trắng - đen bên trong có một sim điện thoại, 01 điện thoại nhãn hiệu MASSTEL màu xám - ghi bên trong có một sim điện thoại.

- Thu giữ trên nóc tủ quần áo ở phòng thờ có 06 ống thủy tinh.

- Thu giữ trong túi quần bò treo ở phòng ngủ tầng 2 có 01 (một) chiếc ví giả da màu nâu, bên trong ngăn ví có 80.000 đồng (*Tám mươi nghìn đồng*) và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Duy N.

* Tại bản kết luận giám định số: 23/PC54 ngày 28/12/2017, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình xác định:

- Mẫu chất các hạt tinh thể trong suốt trong niêm phong ghi số I là Methamphetamine có khối lượng 0,0349 gam.

- Mẫu chất các hạt tinh thể trong suốt trong niêm phong ghi số II là Methamphetamine có khối lượng 0,0202 gam.

- Mẫu chất các hạt tinh thể trong suốt trong niêm phong ghi số III là Methamphetamine có khối lượng 0,3129 gam.

- Mẫu chất các hạt tinh thể trong suốt trong niêm phong ghi số IV là Methamphetamine không xác định khối lượng do mẫu quá ít.

- Methamphetamine là chất ma túy có STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/13/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ.

Về nguồn gốc số ma túy trên N khai mua của đối tượng tên H nhưng không biết rõ nơi ở cũng như các tình tiết khác về nhân thân nên không có căn cứ để điều tra xử lý đối tượng trên.

Đối với Phạm Văn T và Tạ Văn Ch đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng khối lượng ít, chưa đến mức phải xử lý hình sự bản thân hai đối tượng này đều chưa có tiền án tiền sự gì về ma túy, do vậy cơ quan CSĐT tội phạm về ma túy- Công an tỉnh Hưng Yên ra quyết định Xử phạt vi phạm hành chính.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Duy N không thừa nhận việc đưa tiền cho M và bảo M lấy hai gói ma túy ra đưa cho N để bán cho T và Ch.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS-P1 ngày 23/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, các bị cáo tỏ thái độ ăn lăn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 7; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt Nguyễn Duy N từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù; bị cáo Nguyễn Thị M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng, áp dụng điều 46; 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, cho phát mãi, sung vào Công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo N; Trả lại cho bị cáo N 04 chiếc điện thoại di động và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Duy N và 01 ví giả da; Tịch thu cho tiêu hủy số ma túy là hoàn lại sau giám định; 01 túi nilon; 07 bình thủy tinh có gắn ống; 01 hộp đựng kính; Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 380.000đ của N; truy thu của bị cáo N số tiền 420.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M khai nhận, ngày 27/12/2017 đã có hành vi bán trái phép ma túy cho Tạ Văn Ch và Phạm Văn T. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước Cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp khách quan với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó là: Biên bản sự việc Tạ Văn Ch, Phạm Văn T đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và thu giữ các vật chứng; Biên bản khám xét nơi ở của Nguyễn Duy N và các vật chứng thu giữ; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là Tạ Văn Ch và Phạm Văn T là những người trực tiếp mua ma túy của N và M; phù hợp với kết luận giám định, kết luận các chất tinh thể màu trắng thu giữ của Ch, T và tại nơi ở của Nam đều là Methamphetamine. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 27/12/2017, tại nhà ở của Nguyễn Duy N ở thôn 3, xã T, huyện K, tỉnh H, Nguyễn Duy N, Nguyễn Thị M đã bán cho Tạ Văn Ch một gói Methamphetamine, với giá 500.000 đồng và bán cho Phạm Văn T một gói Methamphetamine, với giá 300.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy là trái phép và sẽ bị xử lý, nhưng vì động cơ tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc mua bán trái phép

chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo đã có hành vi bán ma túy cho hai người, mà mỗi lần mua bán đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “*Phạm tội nhiều lần*”. Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, quy định hình phạt đối với loại ma túy là Methamphetamine nặng hơn so với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử lý theo hướng có lợi đối với các bị cáo. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Mặt khác từ hành vi phạm tội của các bị cáo còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm hình sự khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây sự bất bình trong dư luận nhân dân tại địa phương. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, giành cho các bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo, và để phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Nguyễn Duy N có vai trò chính trong vụ án vì N là người trực tiếp liên lạc mua bán, cất giấu ma túy; bị cáo Nguyễn Thị M là người giúp bị cáo N bán ma túy nên có vai trò thấp hơn bị cáo N.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M đều nhận tội, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Gia đình bị cáo N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Nên bị cáo N và M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, và bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 05 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Duy N, trong đó có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh ghi, N dùng để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu, cho phát mãi, sung vào công quỹ Nhà nước, còn 04 chiếc điện thoại còn lại cùng 01 ví giả da; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy

N không liên quan đến hành vi phạm tội của N nên trả lại cho N.

- Đối với số ma túy là Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 túi nilon; 07 bình thủy tinh có gắn ống; 01 chiếc ví giả da; 01 hộp đựng kính là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

- Bị cáo N và M bán ma túy thu được số tiền 800.000đ. Khi bắt thu giữ của bị cáo N số tiền 380.000đ, đây là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, còn số tiền 420.000đ bị cáo đã tiêu xài hết, do vậy phải truy thu của bị cáo N số tiền là 420.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy.

[2]. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 7; Điều 17; Điều 58; điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với cả 2 bị cáo; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với N.

- Phạt Bị cáo Nguyễn Duy N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28/12/2017.

- Bị cáo Nguyễn Thị M 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 03/4/2018.

Miễn phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M.

[3]. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu của Nguyễn Duy N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh ghi đã cũ, trong máy có 01 thẻ sim cho phát mãi, sung vào công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 380.000đ (ba trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Duy N. (Số tiền trên đang gửi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên).

- Truy thu, sung vào công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Duy N số tiền 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy N 01 chiếc ví giả da màu nâu; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy N và 04 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC, màu trắng đen đã qua sử dụng, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xám ghi đã qua sử dụng, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu trắng vàng, trong máy có 01 thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã cũ, trong máy có 01 thẻ sim.

- Tịch thu, cho tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định trong 04 phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định đều ghi số 23/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình; 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng 8,5cm x 5,5cm, bên trong có 03 túi nilon màu trắng kích thước khoảng 2cm x 2,5cm; 01 bình thủy tinh có cắm ống hút nhựa màu hồng và xanh dài 33cm, bình thủy tinh có gắn đế màu vàng và đỏ; 06 ống thủy tinh, trong đó có 04 ống dài 20cm, 01 ống dài 18cm, 01 ống dài 14cm; 01 hộp đựng kính màu ghi xám, kẻ ô.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-KSĐT-P1 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo N không thi hành án về khoản tiền truy thu thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4]. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Duy N và Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC47- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan